

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 11/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 07h00 * Ngày thi: 09/11/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28212301054	Phạm An	24/11/2004	Đắk Nông	31CYC6	9.3	7.0	Đạt	
2	27212139444	Nguyễn Hoàng Anh	20/08/2003	Đắk Lắk	30TSC2	9.3	5.5	Đạt	
3	28204601698	Đào Đoàn Nguyên Bảo	03/02/2004	Hà Tĩnh	31CSC6	V	V	Không Đạt	
4	28212305852	Nguyễn Gia Bảo	05/08/2004	Quảng Nam	31CYC6	8.0	5.0	Đạt	
5	28218003890	Trần Phạm Gia Bảo	20/07/2004	Quảng Nam	31CSC6	7.7	3.8	Không Đạt	
6	28204603820	Trương Thị Ngọc Châu	30/10/2004	Gia Lai	30TYC12	3.7	5.0	Không Đạt	
7	28206553132	Lý Thị Xuyên Chi	06/08/2004	Đắk Nông	31CSC6	9.3	5.3	Đạt	
8	29214623028	Nguyễn Đức Duy Đan	02/11/2005	Quảng Ngãi	31CSC6	6.7	4.0	Không Đạt	
9	27211334636	Lê Văn Đạt	11/08/2003	Quảng Nam	30TYC11	5.3	6.8	Đạt	
10	30206327396	Đinh Văn Lê Thị Diễm	25/05/2006	Đà Nẵng	31CYC6	9.3	7.0	Đạt	
11	28204604095	Nguyễn Thị Thùy Dung	02/10/2004	Bình Định	31CYC6	5.7	5.0	Đạt	
12	28208306062	Phạm Mỹ Duyên	10/12/2004	Đà Nẵng	31TBN11	8.3	7.5	Đạt	
13	28206202760	Trần Thị Mỹ Duyên	08/06/2004	Gia Lai	31CYC3	6.7	5.0	Đạt	
14	28207254282	Nguyễn Hương Giang	16/04/2004	Hà Tĩnh	31CSC6	7.0	5.0	Đạt	
15	28208453230	Nguyễn Thị Trạch Giang	20/08/2004	Đà Nẵng	31TBN11	9.7	9.5	Đạt	
16	28218005182	Phạm Trường Giang	29/12/2004	Thái Bình	31TBN11	5.7	2.8	Không Đạt	
17	28208103828	Trần Quỳnh Giang	20/07/2003	Đắk Lắk	31CSC6	8.3	3.8	Không Đạt	
18	29206541251	Võ Phan Trà Giang	18/10/2005	Nghệ An	31TBN7	9.7	5.5	Đạt	
19	28208000880	Nguyễn Thị Việt Hà	05/01/2004	Quảng Nam	31TBN11	7.0	5.9	Đạt	
20	27211536881	Lê Tấn Hải	14/05/2003	Quảng Ngãi	31TBN6	9.3	5.0	Đạt	
21	28212300212	Trần Văn Hải	30/04/2004	Đà Nẵng	31TBN9	5.0	5.3	Đạt	
22	28204605739	Trần Thu Hằng	03/01/2004	Kon Tum	31CYC6	V	V	Không Đạt	
23	28212305695	Lê Nguyễn Hậu	26/12/2004	Quảng Bình	31CYC6	9.7	9.3	Đạt	
24	28212306616	Nguyễn Văn Hậu	15/03/2004	Phú Yên	31TBN11	4.7	5.0	Không Đạt	
25	28206534971	Trần Thu Hiền	28/06/2003	Quảng Trị	31CSC6	5.7	4.3	Không Đạt	
26	26217142328	Hoàng Minh Hiếu	27/06/2002	Quảng Bình	31TBN11	5.7	3.3	Không Đạt	
27	27212129480	Lâm Xuân Hiếu	12/09/2003	Quảng Nam	31CYC6	6.0	5.0	Đạt	
28	26215342255	Ngô Văn Hiếu	14/04/2002	Đà Nẵng	31THT9	7.7	6.5	Đạt	
29	28211334779	Nguyễn Thái Hòa	23/04/2004	Quảng Bình	31TBN11	7.0	4.0	Không Đạt	
30	29207340144	Nguyễn Hải Hoài	02/08/2005	Gia Lai	31SBN4	8.3	6.8	Đạt	
31	28212745420	Cao Lê Hoàn	11/07/2004	Đà Nẵng	31CYC6	5.0	5.0	Đạt	
32	26215300581	Hoàng Phước Hưng	22/01/2002	Huế	31CYC6	7.7	5.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28209500591	Nguyễn Thị Xuân	Hương	02/05/2004	Quảng Trị	31CHT5	5.3	6.0	Đạt	
34	28218138239	Huỳnh Nhật	Huy	13/05/2004	Đà Nẵng	31TBN11	5.3	8.3	Đạt	
35	28206704844	Lê Thị Ngọc	Huyền	20/03/2004	Quảng Nam	31TBN11	8.3	5.5	Đạt	
36	28206504793	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	26/10/2004	Gia Lai	31TYC1	4.3	4.3	Không Đạt	
37	28206500237	Nguyễn Thị Thúy	Huyền	04/12/2004	Đắk Lắk	31TBN11	9.3	6.8	Đạt	
38	26212129984	Lê Đại	Khánh	23/02/2002	Gia Lai	31CYC6	7.3	5.6	Đạt	
39	27217201149	Trần Bảo	Khánh	23/08/2003	Đắk Lắk	30CBN12	5.3	3.3	Không Đạt	
40	28208151714	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	14/05/2004	Quảng Ngãi	31CSC6	3.3	1.8	Không Đạt	
41	25202202956	Huỳnh Thị Đình	Kính	06/05/1998	Phú Yên	31TBN11	8.7	2.8	Không Đạt	
42	28208004382	Đỗ Ngọc Thanh	Lan	13/07/2004	Bình Định	31TBN11	9.0	8.8	Đạt	
43	28218100450	Đặng Văn	Lịch	17/11/2003	Đà Nẵng	31CSC6	8.7	5.8	Đạt	
44	28204902500	Đỗ Thị Kiều	Linh	12/08/2004	Quảng Nam	31TBN11	9.0	8.5	Đạt	
45	28206502144	Nguyễn Thị Khánh	Linh	01/08/2004	Quảng Bình	31CYC6	7.0	3.3	Không Đạt	
46	28208001005	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	28/01/2004	Phú Yên	31CSC6	9.7	9.5	Đạt	
47	26205227522	Tổng Khánh	Linh	26/03/2002	Quảng Ngãi	31CYC6	7.3	8.8	Đạt	
48	28208004162	Võ Thị Ngọc	Linh	15/08/2004	Quảng Nam	31CSC6	8.3	5.0	Đạt	
49	28206503178	Lê Khánh	Ly	02/09/2004	Quảng Trị	31TBN11	8.0	5.8	Đạt	
50	26207131828	Nguyễn Thị	Ly	12/03/2002	Quảng Ngãi	29CBN4	3.7	3.8	Không Đạt	
51	27203145656	Phan Thị Khánh	Ly	04/02/2003	Quảng Trị	30CHT4	5.0	4.0	Không Đạt	
52	27211342753	Hồ Văn	Minh	11/09/2003	Đà Nẵng	31THT10	9.0	7.0	Đạt	
53	28208151176	Hồ Thị Thảo	My	17/09/2004	Đà Nẵng	31CYC6	6.3	6.0	Đạt	
54	27212201381	Lê Vũ Hằng	My	22/02/2003	Quảng Nam	31THT2	7.3	1.8	Không Đạt	
55	28206551125	Nguyễn Thị Ngọc	My	05/02/2004	Quảng Ngãi	31CSC6	10.0	5.8	Đạt	
56	27211300981	Đoàn Mạnh	Nam	26/08/2003	Quảng Ngãi	31THT10	7.0	5.0	Đạt	
57	27203327588	Nguyễn Thị Bích	Nga	02/04/2003	Phú Yên	31CHT2	6.0	5.0	Đạt	
58	28204602906	Nguyễn Lê Diễm	Ngọc	08/01/2004	Quảng Nam	31TBN2	8.3	5.0	Đạt	
59	29204859847	Nguyễn Thị Như	Ngọc	04/03/2005	Gia Lai	31TBN11	8.0	5.8	Đạt	
60	28204605843	Trần Thị Mỹ	Ngọc	06/10/2004	Huế	31CYC6	8.7	2.5	Không Đạt	
61	29214655000	Cao Văn	Nhật	22/08/2005	Gia Lai	31CSC6	9.7	5.5	Đạt	
62	26205100639	Bùi Thị Yến	Nhi	09/07/2002	Quảng Ngãi	30TBN1	7.0	3.8	Không Đạt	
63	27214153688	Dương Tâm	Nhi	17/12/2003	Hà Tĩnh	31TBN11	7.3	5.5	Đạt	
64	28206602977	Trần Thị	Nhi	18/06/2004	Quảng Trị	31TBN11	6.3	5.8	Đạt	
65	28204601467	Trịnh Thị Yến	Nhi	14/03/2004	Đà Nẵng	31TBN11	9.0	8.8	Đạt	
66	28208106106	Trần Thị Ý	Như	28/10/2004	Quảng Ngãi	31CSC6	6.0	4.0	Không Đạt	
67	28204548622	La Thị Thu	Oanh	27/02/2004	Bình Định	30TSC12	1.7	1.0	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	26215339322	Dương Xuân	Phuong	16/01/2001	Bình Định	31CYC6	9.3	5.5	Đạt	
69	28207106149	Nguyễn Thị	Phuong	14/11/2004	Quảng Trị	31TYC5	9.0	5.0	Đạt	
70	28208141275	Bùi Lê Thảo	Phượng	05/05/2004	Quảng Nam	31TBN11	8.7	3.0	Không Đạt	
71	28212404253	Lê Bá	Quân	24/07/2004	Quảng Trị	31TBN11	6.7	5.3	Đạt	
72	27216100883	Phạm Đoàn Anh	Quân	26/08/2003	Đà Nẵng	31CHT4	5.0	5.0	Đạt	
73	27212202843	Tôn Thất	Quý	19/10/2003	Huế	31CSC6	6.0	3.3	Không Đạt	
74	28206506937	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	14/08/2004	Quảng Nam	31TBN11	9.7	5.3	Đạt	
75	29206548398	Ngô Thị Như	Quỳnh	02/09/2005	Quảng Trị	31TBN7	7.3	5.3	Đạt	
76	28212301155	Huỳnh Tấn	Tài	30/01/2004	Phú Yên	31CSC6	6.3	5.0	Đạt	
77	28208001232	Huỳnh Thị	Tài	28/09/2004	Quảng Nam	31CSC6	7.3	6.0	Đạt	
78	27212238072	Trần Đức	Tài	01/01/2003	Quảng Nam	31CSC6	6.0	5.8	Đạt	
79	28204136446	Nguyễn Nhân	Tâm	22/06/2004	Quảng Nam	31TBN11	7.0	4.4	Không Đạt	
80	29206547209	Vũ Thị Thanh	Tâm	23/08/2005	Quảng Nam	31THT8	6.7	5.3	Đạt	
81	26211333999	Võ Đại	Thắng	20/11/2002	Huế	29SHT5	6.3	5.9	Đạt	
82	29207342164	Đinh Thị Phương	Thảo	16/12/2005	Đắk Lắk	31SBN4	8.3	8.3	Đạt	
83	27202833387	Trần Thị Yến	Thảo	24/07/2003	Đà Nẵng	30CHT8	9.7	3.8	Không Đạt	
84	29219445166	Nguyễn Hoàn	Thiện	09/06/2005	Đắk Lắk	31CYC6	V	V	Không Đạt	
85	27212201483	Nguyễn Hoàng	Thiện	20/07/2003	Quảng Nam	30TSC9	7.7	6.0	Đạt	
86	28206500176	Bùi Đỗ Anh	Thư	04/04/2004	Quảng Ngãi	31TBN11	7.7	6.0	Đạt	
87	28204942764	Lương Xuân	Thư	22/01/2004	Quảng Nam	30TYC6	5.0	6.0	Đạt	
88	28205245615	Nguyễn Anh	Thư	09/05/2004	Đà Nẵng	31TBN11	7.0	3.8	Không Đạt	
89	26215300513	Phan Như	Thuần	02/09/2002	Đà Nẵng	31CYC6	9.0	7.5	Đạt	
90	28207105155	Phan Thị	Thuận	22/09/2003	Đà Nẵng	31CSC6	7.3	6.0	Đạt	
91	29204649975	Vũ Thanh	Thùy	22/06/2005	Đắk Lắk	31CSC6	10.0	9.5	Đạt	
92	28209450238	Lê Kiều Cẩm	Tiên	28/04/2004	Quảng Ngãi	31CSC6	9.7	5.8	Đạt	
93	28209336343	Nguyễn Thị Hà	Tiên	06/08/2004	Quảng Nam	31TBN11	8.3	6.5	Đạt	
94	28208052913	Hồ Thị Thanh	Tiền	15/01/2004	Bình Định	31TBN11	9.7	7.8	Đạt	
95	27212939270	Nguyễn Ngọc	Tĩnh	18/05/2003	Quảng Ngãi	31CYC6	5.3	4.3	Không Đạt	
96	28208101109	Huỳnh Thị Thùy	Trang	24/07/2004	Quảng Nam	31TBN11	6.3	5.3	Đạt	
97	29209443156	Nguyễn Thị Thu	Trang	25/01/2005	Gia Lai	31TBN11	6.7	4.5	Không Đạt	
98	28218100393	Phạm Trung	Trí	02/01/2004	Quảng Ngãi	31TBN11	6.7	5.0	Đạt	
99	29219324970	Nguyễn Khắc	Triệu	26/11/2005	Bình Dương	31CYC6	5.7	5.3	Đạt	
100	27211301915	Nguyễn Văn	Trưởng	24/01/2003	Đà Nẵng	31THT10	6.3	4.3	Không Đạt	
101	27212142211	Phạm Cảnh	Tú	05/02/2003	Đà Nẵng	30TBN13	5.3	3.8	Không Đạt	
102	26211324271	Nguyễn Anh	Tuấn	14/09/2002	Quảng Ngãi	29SHT5	7.0	1.5	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	28214651814	Võ Nguyễn Lâm	Viên	19/09/2004	Đà Nẵng	31SBN3	5.3	3.8	Không Đạt	
104	27212240216	Nguyễn Hoàng	Việt	11/08/2003	Phú Yên	30CHT9	7.7	4.3	Không Đạt	
105	28206603863	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy	19/10/2003	Đà Nẵng	31SHT4	8.7	5.3	Đạt	
106	28207103448	Nguyễn Lê Triệu	Vy	31/05/2004	Đà Nẵng	31CSC6	6.0	3.0	Không Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh